

Bản án số: 22/2020/HS-ST
Ngày 28-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông Lê Văn Tươi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thi.

Bà Nguyễn Thị Lợi.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn N, sinh năm 1994 tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị V; Vợ con: chưa có; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Bị cáo có 01 tiền sự: Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn số 23 ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chủ tịch UBND xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng trong thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng ma túy; Bị cáo bị tạm giữ ngày 19 tháng 12 năm 2019, chuyển tạm giam ngày 26 tháng 12 năm 2019; có mặt.

2. Bùi Thị T, sinh năm 1993 tại Bắc Giang; ĐKKHKT: Thôn V, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: lớp 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phù Tền G và bà Nguyễn Thị S; Chồng: chưa có; Có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam ngày 06 tháng 01 năm 2020; có mặt.

- Bị hại: Ông Trịnh Văn Q, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn 5, D, xã T, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

+ Anh Nguyễn Văn Q; vắng mặt.

+ Anh Phạm Văn Q; vắng mặt.

+ Ông Đỗ Văn T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn N và Bùi Thị T có quan hệ tình cảm và thường cùng nhau đi lang thang, không về nhà. Khoảng 09 giờ ngày 25 tháng 11 năm 2019, Nam và Toàn thức dậy tại ngôi nhà hoang thuộc xóm N, thôn N, xã T, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Do cần tiền chi tiêu cá nhân và mua ma túy sử dụng nên N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. N rủ Bùi Thị T đi quanh khu vực xã T xem ai có sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi cả hai đi bộ đến khu vực chung cư ở vị trí thuộc thôn 5 D, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng thì N phát hiện thấy một chiếc xe máy nhãn hiệu Future Neo BKS 16M5-4367 dựng trước cửa nhà ông Trịnh Văn Q, không có ai trông coi, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện của xe. N bảo T đi lên trước cảnh giới còn Nam ngồi lên xe nổ máy tăng ga bỏ chạy về hướng Quốc lộ 5. Ông Trịnh Văn Q nghe thấy tiếng xe máy nổ liền chạy từ trong nhà ra hô hoán và đuổi theo N nhưng không kịp. Khi ông Q quay lại thì phát hiện T đang đi bộ gần đó nên đã đưa T đến công an xã T và trình báo vụ việc. Đối với Nguyễn Văn N sau khi trộm cắp được chiếc xe mô tô đã điều khiển xe đi về nhà anh Phạm Văn Q. Tại đây N bán chiếc xe mô tô trộm cắp được cho một người đàn ông không quen biết với giá 500.000đồng và 01 gói ma túy Heroine. Số ma túy sử dụng cho bản thân và số tiền bán được xe chi tiêu cá nhân hết. Ngày 19 tháng 12 năm 2019 Nam đến Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện An Dương đầu thú. Chiếc xe mô tô BKS 16M5-4367 của ông Trịnh Văn Q bị trộm cắp hiện chưa thu hồi được.

Theo Kết luận định giá tài sản ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Dương kết luận: 01 chiếc xe mô tô BKS 16M5-4367 trị giá 8.000.000đồng.

Tại Cáo trạng số 19/CT - VKS ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn N và bị cáo Bùi Thị T về tội: “ Trộm cắp tài sản ” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn N và bị cáo Bùi Thị T khai nhận: Các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Future Neo BKS 16M5-4367 để lấy tiền ăn tiêu vào thời gian và địa điểm như nội dung Cáo trạng. Các bị cáo thừa nhận hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật, việc truy tố

và xét xử là đúng người, đúng tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Sau phần xét hỏi công khai tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên toà trình bày lời luận tội đối với bị cáo. Qua quan điểm phát biểu Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung cáo trạng. Sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù về tội: “ *Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s, t khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Thị T từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù về tội: “ *Trộm cắp tài sản*”.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Nguyễn Văn N và bị cáo Bùi Thị T.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng số tiền 5.000.000 đồng đến nay các bị cáo chưa bồi thường. Căn cứ Điều 587 Bộ luật Dân sự buộc hai bị cáo phải liên đới bồi thường theo tỷ phần mức độ lỗi.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Khi nói lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Văn N và bị cáo Bùi Thị T đã ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và người làm chứng, phù

hợp với bản kết luận định giá tài sản ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện An Dương và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Văn N và bị cáo Bùi Thị T đã có hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Future Neo BKS 16M5-4367 trị giá 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) của ông Trịnh Văn Q vào ngày 25 tháng 11 năm 2019. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" vi phạm Điều 173 Bộ luật hình sự như kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương là có căn cứ pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, gây mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu ở địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội do cố ý nên phải xử phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết định khung hình phạt: Tài sản các bị cáo trộm cắp có giá trị 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) đã vi phạm quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm..." :

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy bị cáo Nguyễn Văn N và bị cáo Bùi Thị T đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo Nguyễn Văn N và bị cáo Bùi Thị T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bùi Thị T hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn N sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên bị cáo Nguyễn Văn N được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn N và bị cáo Bùi Thị T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Vụ án có đồng phạm, Hội đồng xét xử đánh giá đây là vụ án đồng phạm giản đơn không có tính tổ chức. Để áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của từng bị cáo, phân hoá vai trò của các bị cáo như sau: Bị cáo Nguyễn Văn N vừa là người đề xuất việc phạm tội vừa là người trực tiếp thực hành tội phạm và hưởng lợi toàn bộ số tiền bán tài sản trộm cắp được còn bị cáo Bùi Thị T là người giúp sức, cảnh giới cho bị cáo Nguyễn Văn N thực hiện hành vi

trộm cắp tài sản nên bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Bùi Thị T.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Theo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện An Dương, tài sản các bị cáo trộm cắp của ông Trịnh Văn Q có trị giá 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). Bị hại ông Trịnh Văn Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho ông trị giá chiếc xe máy số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Bị cáo Nguyễn Văn N và bị cáo Bùi Thị T chấp nhận bồi thường cho ông Trịnh Văn Q số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) trị giá chiếc xe máy mà các bị cáo đã trộm cắp của ông Trịnh Văn Q nên buộc bị cáo Nguyễn Văn N và bị cáo Bùi Thị T mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông Trịnh Văn Q số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

[8] Về vật chứng trong vụ án: Xét thấy do chưa xác minh được người mà Nguyễn Văn N đã bán chiếc xe máy nhãn hiệu Future Neo BKS 16M5-4367 nên Cơ quan điều tra chưa thu hồi được tài sản mà các bị cáo đã trộm cắp của ông Trịnh Văn Q nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Đối với lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Văn N: Khoảng 11 giờ ngày 19 tháng 11 năm 2019 tại khu vực chợ Hồ thuộc thôn T, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, bị cáo trộm cắp 01 chiếc xe đạp mini màu đen bán được 100.000 đồng. Tài liệu hồ sơ chỉ có duy nhất lời khai của N, không có tài liệu chứng cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về những vấn đề khác:

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5, Điều 173 Bộ luật bị cáo Nguyễn Văn N và bị cáo Bùi Thị T còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Xét bản thân bị cáo Nguyễn Văn N và bị cáo Bùi Thị T không có việc làm ổn định, gia đình khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo.

- Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn N và bị cáo Bùi Thị T phải nộp án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 259, 260 và 326 Bộ luật Tố tụng Hình sự,

Căn cứ khoản 1, Điều 173; Điều 38; Điều 58; điểm i, s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn N 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày 19 tháng 12 năm 2019.

Căn cứ khoản 1, Điều 173; Điều 38; Điều 58; điểm i, s, t khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bùi Thị T 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày 06 tháng 01 năm 2020.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Nguyễn Văn N và bị cáo Bùi Thị T.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và các điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn N và bị cáo Bùi Thị T mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông Trịnh Văn Q số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Về án phí: Áp dụng khoản 2, Điều 135 và khoản 2, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các điều 6, 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Buộc bị cáo Bùi Thị T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo Nguyễn Văn N, bị cáo Bùi Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại ông Trịnh Văn Quang có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Công an huyện An Dương;
- Sở Tư pháp HP; Phòng PV6, PC10;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Tươi

